

ÔN TẬP CHƯƠNG IV

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.
- Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi.
- Biết vận dụng công thức tính chu vi, diện tích của các tứ giác đã học.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm trước lớp, tự tin tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập;
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS xác định được cách thức, giải pháp để giải quyết bài toán thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: HS sử dụng được dụng cụ, phương tiện thích hợp để vẽ hình theo yêu cầu.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của HS khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

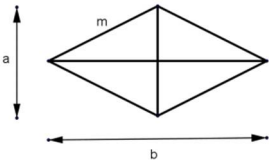
1. **Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu, giấy A0, nam châm. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan.
2. **Chuẩn bị của HS:** Bộ đồ dùng học tập, sản phẩm sơ đồ tư duy đã hoàn thành theo nhóm GV giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (10 phút)

- a) **Mục tiêu:** HS được củng cố lại các nội dung kiến thức của chương.
- b) **Nội dung:** Đại diện các nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của mình, các nhóm khác chú ý lắng nghe, nhận xét và cho ý kiến.
- c) **Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy tổng hợp đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 18 → Bài 20 một cách đầy đủ, ngắn gọn.

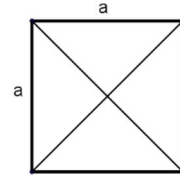
HÌNH THOI



- Bốn cạnh bằng nhau.
- Hai đường chéo vuông góc với nhau.
- Các cạnh đối song song với nhau.
- Các góc đối bằng nhau.

Diện tích: $S = \frac{1}{2} a.b$

HÌNH VUÔNG



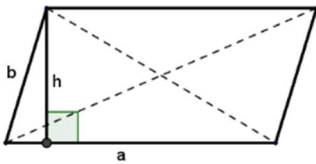
- Bốn cạnh bằng nhau.
- Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- Hai đường chéo bằng nhau.

Diện tích : $S = a^2$

Chu vi : $C = 4a$.

MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

HÌNH BÌNH HÀNH

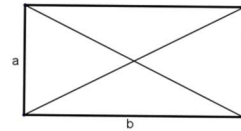


- Các cạnh đối bằng nhau.
- Các góc đối bằng nhau.
- Các cạnh đối song song với nhau.

Diện tích: $S = a.h$

Chu vi: $C = 2(a + b)$

HÌNH CHỮ NHẬT

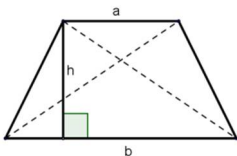


- Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- Các cạnh đối bằng nhau.
- Hai đường chéo bằng nhau.

Diện tích: $S = a.b$

Chu vi: $C = 2(a + b)$

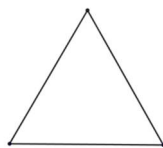
HÌNH THANG CÂN



- Hai cạnh bên bằng nhau.
- Hai đường chéo bằng nhau.
- Hai cạnh đáy song song với nhau.
- Hai góc kề một đáy bằng nhau.

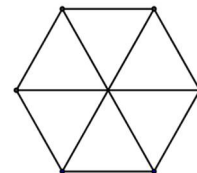
Diện tích: $S = \frac{1}{2} (a + b).h$

TAM GIÁC ĐỀU



- Ba cạnh bằng nhau.
- Ba góc bằng nhau và bằng 60° .

HÌNH LỤC GIÁC ĐỀU



- Sáu cạnh bằng nhau.
- Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120° .
- Ba đường chéo chính bằng nhau.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV yêu cầu các nhóm trưng bày bản đồ tư duy của nhóm mình. – Gọi đại diện một nhóm lên bảng trình bày. – Gọi HS nhận xét. – GV nhận xét. 	<p>Các nhóm trưng bày sản phẩm. Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày. HS nhận xét.</p>

Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (25 phút)

a) Mục tiêu: HS biết vận dụng công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.

b) Nội dung: Bài tập 4.28 và 4.29; Bài tập 4.33, 4.34 (SGK tr.104).

c) Sản phẩm:

- Bài 4.28: Có 5 hình vuông; 4 hình chữ nhật.
- Bài 4.29: Có 5 hình tam giác đều; 3 hình thang cân và 3 hình thoi.
- Bài 4.33:

a) Diện tích của hình thoi ABOF là: $\frac{1}{2} \cdot 6 \cdot 10,4 = 31,2 \text{ (cm}^2\text{)}$.

b) Diện tích của hình lục giác đều ABCDEF là: $31,2 \cdot 3 = 93,6 \text{ (cm}^2\text{)}$.

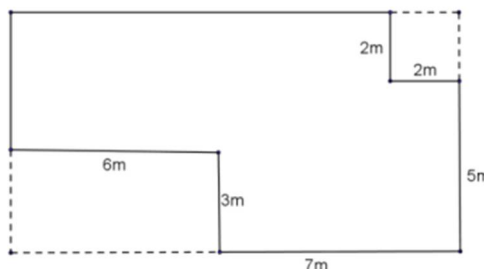
– Bài 4.34: Vẽ hình để tạo thành hình chữ nhật lớn có chiều dài 13 m, chiều rộng 7 m.

Diện tích hình chữ nhật lớn: $13 \cdot 7 = 91 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích hình chữ nhật nhỏ: $6 \cdot 3 = 18 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích hình vuông: $2 \cdot 2 = 4 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích mảnh vườn là: $91 - (18 + 4) = 69 \text{ (m}^2\text{)}$.



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV chiếu Bài tập 4.28 và 4.29 lên bảng, cho HS đếm số hình vuông, hình chữ nhật (bài 4.28) và số hình tam giác đều, hình thang cân, hình thoi (bài 4.29). – Gọi 1 HS lên bảng chữa Bài tập 4.32 (SGK tr.102). – GV nhận xét, đánh giá: Diện tích hình lục giác bằng 3 lần diện tích hình thoi. 	<p>HS quan sát hình và đếm. HS lên bảng thực hiện.</p>

– Chiều Bài tập 4.34 lên bảng, yêu cầu HS nêu phương án tính diện tích mảnh vườn.	HS nêu phương án.
– Tổ chức cho HS hoạt động nhóm Bài tập 4.34 theo các phương án đã nêu.	HS hoạt động nhóm.
– Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày.	Đại diện nhóm lên trình bày.
– GV nhận xét, đánh giá.	

Hoạt động 3: VẬN DỤNG (8 phút)

a) **Mục tiêu:** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích các tứ giác đã học.

b) **Nội dung:** Chiều Bài tập 4.36 (SGK tr.104).

c) **Sản phẩm:**

Bài 4.36:

Diện tích mái hiên là: $\frac{1}{2}(54 + 72) \cdot 45 = 2\,835 \text{ (dm}^2\text{)}$.

Chi phí làm mái hiên là: $(2\,835 : 9) \cdot 103\,000 = 32\,445\,000 \text{ (đồng)}$.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đưa Bài tập 4.36 lên bảng, yêu cầu HS đọc và nêu hướng giải. – Gọi 1 HS lên bảng thực hiện. – Cho HS nhận xét bài của bạn. – GV nhận xét và chốt kiến thức.	HS đọc và nêu hướng giải quyết. 1 HS lên bảng. HS nhận xét bài của bạn. HS lắng nghe.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.

– Đọc trước chương V, bài 21: *Hình có trục đối xứng*. Sưu tầm một số hình ảnh về hình có trục đối xứng trong thực tế.